

## Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

### 1 Nhận dạng hóa chất

**Phân loại sản phẩm**

**Tên thương mại** webertai fix

**Mã giao dịch:** XXP014211

**Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**

Không có thêm thông tin có liên quan.

**Hướng dẫn sử dụng** Hóa chất dùng trong xây dựng

**Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn**

**Nhà sản xuất / Nhà phân phối:**

Công ty TNHH Saint-Gobain Việt Nam- Chi nhánh Hiệp Phước

Lô C20B, ĐƯỜNG SỐ 11, KCN HIỆP PHƯỚC, X. HIỆP PHƯỚC, H. NHÀ BÈ, TP. HCM

Phone: +84 08 3930 72 73

Fax: +84 08 3930 72 74

webervn@saint-gobain.com

**Số điện thoại khẩn cấp:** 093.416.9985

### 2 Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

**Phân loại chất và hỗn hợp**



Ăn mòn

Có hại cho mắt 1. H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.



Kích ứng da 2 H315 Gây kích ứng da.

Skin Sens. 1 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

**Nhãn mác**

**Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

**Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS05 GHS07

**Từ chỉ dấu hiệu** Nguy hiểm

**Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**

Xi măng portland, màu xám

**Các hướng dẫn về các nguy hiểm**

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

(Xem tiếp ở trang 2)

## Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

**Tên thương mại webertai fix**

(Xem tiếp ở trang 1)

### Các hướng dẫn an toàn

- P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ
- P102 Để xa tầm tay trẻ em.
- P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.
- P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
- P302+P352 Nếu tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều nước
- P305+P351+P338 **NẾU DINH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa
- P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ
- P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc
- P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

### Các dấu hiệu nguy hiểm khác:

Sản phẩm có chứa cát silica có thành phần hạt mịn nhỏ hơn 1% nên không được liệt kê là chất nguy hiểm. Tuy nhiên cần chú ý khi thao tác và mang bảo hộ lao động cần thiết.

### Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results

**PBT:** Không được áp dụng

**vPvB:** Không được áp dụng

## 3 Thông tin về thành phần các chất

**Mô tả tính chất hóa học:** Hỗn hợp

**Mô tả** Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

### Các chất thành phần nguy hiểm:

CAS: 65997-15-1	Xi măng portland, màu xám <span style="color: red;">⚠</span> Có hại cho mắt 1., H318; <span style="color: red;">⚠</span> Kích ứng da 2, H315; Skin Sens. 1, H317; Nhiễm độc cấp tính 5, H313	25-50%
-----------------	---	--------

**SVHC** Void

**Các hướng dẫn đính kèm:** Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

## 4 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

**Mô tả về các biện pháp sơ cứu**

### Hướng dẫn chung:

Ngay lập tức loại bỏ quần áo bị vấy bẩn bởi sản phẩm

Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nếu nạn nhân không ổn, gọi bác sĩ và đưa kèm bảng thông tin này

**Sau khi hít vào:** Cung cấp không khí sạch và gọi bác sĩ

### Sau khi tiếp xúc với da:

Rửa thật sạch với nước

Nếu da vẫn tiếp tục nóng rát thì phải xin tư vấn bác sĩ ngay

**Sau khi tiếp xúc với mắt:** Nước rửa nên ở nhiệt độ 20-30°C

### Sau khi nuốt phải:

Rinse out mouth with water. Do not induce vomiting. Seek medical attention and present this data sheet.

(Xem tiếp ở trang 3)

**Phiếu An toàn hóa chất**  
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

**Tên thương mại webertai fix**

(Xem tiếp ở trang 2)

**Thông tin dành cho bác sĩ:****Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:**

Không có thông tin liên quan nào khác

**Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt**

Không có thêm thông tin liên quan

**5 Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất****Các phương tiện chữa cháy****Các giải pháp chữa cháy thích hợp**Dùng CO<sub>2</sub>, bột hay phun bụi nước. Chữa đám cháy lớn hơn phải phun bụi nước**Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp** Không có thêm thông tin liên quan**Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy****Các thiết bị bảo vệ** Đeo bình khí thở**6 Thông tin về độc tính****Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**

Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm

Tránh tạo bụi

Đảm bảo thoáng khí

**Các biện pháp bảo vệ môi trường**

Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào

**Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**

Sử dụng chất trung hòa.

Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13

Đảm bảo thoáng khí

Dọn bằng máy

**Liên hệ đến các phần khác**

Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn

Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân

Xem phần 13 để biết thông tin về xử thải

**7 Thông tin về sinh thái****Xử lý****Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**

Đậy kín bình chứa

Tránh hình thành bụi

Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí

Dùng bộ hút chiết nếu thấy có bụi

**Thông tin về các biện pháp chống cháy nổ** Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt

(Xem tiếp ở trang 4)

**Phiếu An toàn hóa chất**  
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

**Tên thương mại webertai fix**

(Xem tiếp ở trang 3)

**Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích****Lưu trữ:****Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Chỉ được đựng trong các bình chứa mới và chưa mở**Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường**

Tránh xa thực phẩm

Đề xa nước

**Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ**

Đề ở nơi thoáng mát và trong điều kiện được dán kín

Tránh độ ẩm và nước

**Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

## 8 Biện pháp sơ cứu về y tế

**Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7**Các thông số điều khiển****Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

Mã CAS	Chỉ định vật liệu %	Loại	Giá trị đơn vị
<b>CAS: 65997-15-1 Xi măng portland, màu xám</b>			
PEL (US)	Giá trị dài hạn: 50 mppcf or 15* 5** mg/m <sup>3</sup> *total dust **respirable fraction		
REL (US)	Giá trị dài hạn: 10* 5** mg/m <sup>3</sup> *total dust **respirable fraction		
TLV (US)	Giá trị dài hạn: 1* mg/m <sup>3</sup> E; *as respirable fraction		

**Bổ sung giá trị giới hạn của những mối nguy hiểm trong nghề nghiệp đối với những nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình chế biến**Total inhalable dust: 10 mg/m<sup>3</sup>Respirable dust (< 5 µm): 4 mg/m<sup>3</sup>Bụi thạch anh (< 5 µm): 0,15 mg/m<sup>3</sup>**Thông tin bổ sung** Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở**Kiểm soát các tình huống nguy hiểm****Các thiết bị an toàn cá nhân****Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được đi kèm khi xử lý hóa chất

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi

Loại bỏ ngay tập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn

rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm

Tránh tiếp xúc với mắt và da

Sử dụng kem dưỡng ẩm sau khi tiếp xúc với sản phẩm

**Bảo vệ đường hô hấp:**

Thiết bị lọc trong thời gian ngắn

Bộ lọc P2

(Xem tiếp ở trang 5)

**Phiếu An toàn hóa chất**  
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

**Tên thương mại webertai fix**

(Xem tiếp ở trang 4)

Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc. Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi

**Bảo vệ tay** Găng tay bảo hộ**Chất liệu của găng tay**

Cao su Nitrile, NBR

Găng tay cao su

**Bảo vệ mắt Eye** Kính bảo hộ dán kín**Bảo vệ thân thể:** Quần áo bảo hộ lao động**9 Biện pháp xử lý khi có hoả hoạn****Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản****Thông tin tổng quát****Diện mạo:****Hình thức::** Dạng bột**Màu:** Tối**Mùi:** Đặc điểm**Ngưỡng mùi:** Không xác định.**Độ pH:** Kiềm**Thay đổi trong điều kiện****Điểm tan / Phạm vi tan** Không xác định**Điểm sôi / Phạm vi sôi** Không có khả năng áp dụng**Điểm bay hơi:** Không thể áp dụng.**Tính dễ cháy (rắn, khí):** Sản phẩm không cháy.**Nhiệt độ cháy:** Không xác định.**Nhiệt độ phân hủy:** Không xác định.**Tự cháy:** Sản phẩm không tự bốc cháy.**Nguy hiểm do cháy nổ:** Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ**Giới hạn nổ:****Dưới:** Không xác định**Trên:** Không xác định.**Tính chất ôxi hóa** Không xác định.**Áp lực hơi::** Không xác định.**Mật độ:** 1.4 g/cm<sup>3</sup>**Mật độ tương đối:** Không xác định.**Mật độ của hơi:** Không thể áp dụng.**Tỉ lệ bay hơi:** Không thể áp dụng.

(Xem tiếp ở trang 6)

**Phiếu An toàn hóa chất**  
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

Tên thương mại webertai fix

(Xem tiếp ở trang 5)

**Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:**  
**Nước:** Làm cứng khi tiếp xúc với nước.

**Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):** Không xác định.

**Độ nhớt:**  
**Động** Không thể áp dụng.  
**Tĩnh** Không thể áp dụng.

**Thành phần dung môi:**  
**Dung môi hữu cơ:** 0.0 %  
**Thành phần chất rắn:** 100.0 %  
**Thông tin khác:** None.

### 10 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

**Phản ứng:** Không có thêm thông tin liên quan

**Sự ổn định hóa học:** Ổn định trong điều kiện lưu trữ như khuyến cáo

**Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.

**Khả năng phản ứng nguy hiểm:**

Phản ứng với các axit.

Phản ứng với nước.

**Các điều kiện cần tránh:** Không có thêm thông tin liên quan

**Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.

**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

### 11 Yêu cầu về cất giữ

**Thông tin về các hiệu ứng độc tính:**

**Ngộ độc cấp tính:**

**Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50**

Thành phần	Loại	Giá trị	Loài
<b>CAS: 65997-15-1 Xi măng portland, màu xám</b>			
Da	LD50	>2,000 mg/kg	(Rabbit)

**Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**

**Trên da** Kích ứng da và lớp màng nhầy niêm mạc.

**Trên mắt:** Kích ứng mạnh với nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.

**Độ nhạy cảm** Có khả năng mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.

**Thông tin thêm về độc tính::**

Sản phẩm này chỉ ra những tác hại sau theo phương pháp tính toán của hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất:

Kích ứng

VN  
(Xem tiếp ở trang 7)

## Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

Tên thương mại webertai fix

(Xem tiếp ở trang 6)

### 12 Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

**Độc tính****Thủy sản độc tính:** Không được liệt kê là thành phần có hại cho môi trường nước**Sự tồn tại và thoái hóa :** Không có thêm thông tin liên quan.**Hành vi trong các hệ thống môi trường:****Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.**Tính lưu động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.**Ảnh hưởng của sinh thái độc****Ghi chú:**

Sản phẩm có thể gây bụi trong nước

. Sản phẩm có thể gây thay đổi pH, do đó có ảnh hưởng đến các loài cá và vi khuẩn

**Ghi chú:** Sản phẩm gây thay đổi pH đáng kể, cần trung hòa trước khi sử dụng**Bổ sung thông tin sinh thái:****Ghi chú tổng quát:**

Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải .

**Kết quả của đánh giá PBT và vPvB****PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.**vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.**Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.

### 13 Yêu cầu trong việc thải bỏ

**Phương pháp xử lý chất thải****Khuyến nghị**

Sản phẩm đông cứng sau khi trộn với nước sau 5 đến 6h và có thể thải bỏ như rác thải xây dựng. Mã số chất thải 170904

**Bao bì bẩn****Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.**Các chất tẩy rửa được khuyến nghị sử dụng**

Nước, nếu cần, kết hợp với chất tẩy rửa.

Thoroughly shake out sacks.

### 14 Yêu cầu trong vận chuyển

**Mã LHQ (UN)****ADR, ADN, IMDG, IATA**

khoảng trống

**Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ****ADR, ADN, IMDG, IATA**

khoảng trống

(Xem tiếp ở trang 8)

**Phiếu An toàn hóa chất**  
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

Tên thương mại webertai fix

(Xem tiếp ở trang 7)

**Vận chuyển các lớp học nguy hiểm****ADR, ADN, IMDG, IATA**

lớp

khoảng trống

**Nhóm bao bì****ADR, IMDG, IATA**

khoảng trống

**Các môi trường nguy hiểm:**

Không có khả năng ứng dụng..

**Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:**

Không có khả năng ứng dụng.

**Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC**

Không có khả năng ứng dụng.

**Vận chuyển/ Thông tin thêm:**

Không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn ở trên.

**Mẫu chuẩn của LHQ:**

khoảng trống

**15 Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ****An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp**

Regulation (EC) No 1907/2006 (REACH) (Candidate List, Annexes XIV and XVII)

Regulation (EC) No 1272/2008 (CLP)

**Các yêu tố trên nhãn GHS**

cf. section 2

Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

**Các hình biểu thị sự nguy hiểm**

GHS05 GHS07

**Từ chỉ dấu hiệu Nguy hiểm****Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**

Xi măng portland, màu xám

**Các hướng dẫn về các nguy hiểm**

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

**Các hướng dẫn an toàn**

P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ

P102 Để xa tầm tay trẻ em.

P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

(Xem tiếp ở trang 9)



**Phiếu An toàn hóa chất**  
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2018.08.08

**Tên thương mại webertai fix**

(Xem tiếp ở trang 8)

P302+P352 Nếu tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều nước  
P305+P351+P338 **NEU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa  
P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ  
P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc  
P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.  
**Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

**16 Các thông tin cần thiết khác**

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

**Nơi phát hành bằng hướng dẫn an toàn hóa chất:** R&D SEA

**Liên hệ:**

Eik Hermkens

Phone: +66632172591

erik.hermkens@saint-gobain.com

**Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

RID: Règlement international concernant le transport des marchandises dangereuses par chemin de fer (Regulations Concerning the International Transport of Dangerous Goods by Rail)

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

IATA-DGR: Dangerous Goods Regulations by the "International Air Transport Association" (IATA)

ICAO: International Civil Aviation Organisation

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

ELINCS: European List of Notified Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

SVHC: Substances of Very High Concern (REACH regulation)

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Nhiễm độc cấp tính 5: Acute toxicity – Category 5

Kích ứng da 2: Skin corrosion/irritation – Category 2

Có hại cho mắt 1.: Serious eye damage/eye irritation – Category 1

Skin Sens. 1: Skin sensitisation – Category 1

**\*Số liệu so với các biên bản trước đã có thay đổi \***

According to Annex II of the REACH regulation, the modified sections in this version of the Safety Data Sheet in comparison with the previous one are marked with asterisks.